

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày: 29 – 4 – 2021
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Chiếu
2. Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phương A*, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn: Bà Lê Thị N*, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn C*, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Văn C: Chị Nguyễn Phương A, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Phương A trình bày:*

Vào ngày 30/02/2019 âm lịch, chị có mở một dây hụi loại hụi 2.000.000đ, gồm 24 chung, mỗi tháng khui một lần vào ngày 30 hàng tháng. Bà N có tham gia một chung hụi (phần hụi). Bà N đóng được 03 kỳ hụi sống với số tiền 4.100.000 đồng, bà N hốt hụi ở kỳ thứ 4 (mở ngày 30/5/2019 âm lịch) bỏ hụi 680.000đ, hốt được: 03 kỳ chết x 2.000.000đ + 20 kỳ hụi sống x 1.320.000đ – còn 1.000.000đ = 31.400.000 đồng. Chị đã giao tiền hụi cho bà N nhận đủ số tiền 31.400.000đ vào ngày 11/6/2019 âm lịch ở gần nhà bà N, khi nhận tiền hụi chị có viết nội dung giao tiền hụi trong sổ và bà N có ghi tên vào sổ hụi của chị với nội dung “có nhận lê thị N” phía dưới người nhận tiền ký tên. Sau khi hốt hụi thì bà N đóng hụi cho chị đến kỳ hụi thứ 10 (mở ngày 30/11/2019 âm lịch), từ hụi thứ 11 (mở ngày 30/12/2019 âm lịch) bà N không đóng hụi cho chị đến nay. Do bà N không đóng hụi cho chị nên chị phải bỏ tiền ra để đóng phần hụi của bà N, số tiền chị đóng hụi là tài sản chung của vợ chồng chị. Dây hụi này đã mãn ngày 30/12/2020 âm lịch, tính đến khi mãn hụi thì bà N nợ chị 14 kỳ hụi với số tiền là 28.000.000đ. Nhưng vào ngày 27/02/2020 âm lịch bà N có trả cho chị số tiền 1.000.000đ, như vậy tính đến khi mãn hụi thì bà N còn nợ chị số tiền là 27.000.000đ.

Nay chị yêu cầu giải quyết buộc bà Lê Thị N phải trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 27.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác. Anh Lê Văn C thống nhất theo lời khai và yêu cầu của chị. Anh C không có ý kiến gì khác.

** Bị đơn bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng theo khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A. Buộc bà N có nghĩa vụ trả cho chị A và anh C số tiền hụi còn nợ là 27.000.000 đồng.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị A khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền hụi, bà N đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà N là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Căn cứ theo biên bản tiếp xúc với bà Lê Thị N ngày 15/5/2020 bà N thừa nhận có tham gia phân hụi 2.000.000 đồng mở ngày 30/02/2019 âm lịch do chị A làm chủ hụi, phân hụi này bà N đã bỏ hụi số tiền 680.000 đồng để hốt hụi và chị A đã giao tiền hụi cho bà N nhận đủ. Bà N thừa nhận tính đến ngày 15/5/2020 còn nợ chị A 04 kỳ hụi, trả được 1.000.000 đồng, còn nợ số tiền 7.000.000 đồng. Sự thừa nhận của bà N là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, việc bà N có tham gia hụi của chị A và còn nợ tiền hụi của chị A là thực tế có xảy ra.

[4] Xét thấy tính đến ngày làm việc với bà N là ngày 15/5/2020 (nhằm ngày 23/4/2020 âm lịch) bà N thừa nhận còn nợ chị A 04 kỳ hụi, điều này cũng phù hợp với lời khai của chị A là sau khi hốt hụi thì bà N ngưng đóng hụi từ kỳ hụi mở ngày 30/12/2019 âm lịch. Như vậy, tính từ kỳ hụi bà N ngưng đóng hụi (ngày 30/12/2019 âm lịch) cho đến ngày mãn hụi (ngày 30/12/2020 âm lịch) thì bà N phải đóng cho chị A là 14 kỳ hụi với số tiền 28.000.000 đồng, bà N đã trả cho chị A được số tiền 1.000.000 đồng, do đó bà N còn có trách nhiệm đóng hụi cho chị A số tiền là 27.000.000 đồng. Xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Bà N đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị A yêu cầu bà N trả số tiền nợ hụi là 27.000.000 đồng, tuy nhiên từ khi bà N nhận được văn bản của Tòa án cho đến nay, bà N không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị A, đồng thời bà N cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh từ thời điểm bà N thừa nhận nợ tiền hụi của chị A cho đến nay bà N có trả tiền hụi cho chị A. Do đó, việc chị A xác định bà N còn nợ chị A số tiền hụi 27.000.000 đồng và yêu cầu bà N phải trả cho chị A số tiền 27.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Chị A xác định bà N là người trực tiếp tham gia hụi nên chị A chỉ yêu cầu một mình bà N trả tiền hụi còn nợ và số tiền chị A bỏ ra đóng hụi thay cho bà N là tài sản chung của vợ chồng chị A và anh C nên bà N phải có nghĩa vụ trả lại tiền cho chị A và anh C.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A đối với bà N. Buộc bà N có nghĩa vụ trả cho chị A và anh C số tiền nợ hụi là 27.000.000 đồng. Do chị A không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hụi, biên, phường;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương A đối với bà Lê Thị N. Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Phương A và anh Lê Văn C số tiền nợ hụi là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.350.000 đồng. Các đương sự khác không phải chịu án phí. Chị Nguyễn Phương A đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 675.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009703 ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yên Ly